

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH P

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HSST.

Ngày: 20 - 12 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Trinh

Ông Vũ Thành Dũng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Chu Xuân Tùng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm Công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2023/TLST - HS ngày 30 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 60 ngày 06/12/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Thanh T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/3/1990 tại xã V, huyện L, tỉnh P; Nơi cư trú: khu 5, xã V, huyện, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Bùi Văn H, sinh năm 1964; Mẹ đẻ: Đỗ Thị X, sinh năm 1967; Cả bố và mẹ hiện ở xã V, huyện L, tỉnh P; Vợ: Lò Thị Kim L, sinh năm 1991. Hiện ở xã V, huyện L, tỉnh P; Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019); Anh chị em ruột: có 02 người, bị cáo là thứ hai;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Không bị bắt, tạm giữ, tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã V, huyện L, tỉnh P.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

* Người bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939;

Địa chỉ: Khu 1, xã V, huyện H, tỉnh P (đó chết)

* Người đại diện cho bị hại: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1961 (con đẻ bị hại); Địa chỉ: Khu 4, xã V, huyện H, tỉnh P (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 3 năm 2023, Bùi Thanh T ký hợp đồng Lái xe thuê cho ông Nguyễn Đức V sinh năm 1974 ở khu Đ, xã P, huyện L, tỉnh P (T có giấy phép Lái xe hạng FC số 640129002149, hiệu lực đến ngày 24/8/2027). Khoảng 06 giờ ngày 06/7/2023, Tú điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS 19C-127.01 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS19R-006.42 đi từ huyện L theo Quốc lộ 32C hướng lên tỉnh Y để chở hàng. Khoảng 07 giờ 30 phút cùng ngày, khi xe đi đến Km 61+800 thuộc khu 1 xã V, huyện H, tỉnh P, Tú điều khiển xe với vận tốc khoảng 60km/h và đi giữa hai làn đường, lấn sang phần đường dành cho xe đi ngược chiều. Lúc này, T phát hiện phía trước Cách khoảng 30m cú bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1939 ở khu 4 xã V, huyện H đi bộ từ bên trái theo chiều đi đang sang đường và đó đi đến giữa đường. Thấy vậy, Tú đạp phanh giảm tốc độ nhưng lúc này xe do Tú điều khiển vẫn di chuyển giữa hai làn đường. Do khoảng Cách gần Nên phần đầu xe ô tô bên trái đó đâm vào bà Đường làm bà Đường ngã ra đường, quần vào gầm xe, tử vong tại chỗ.

Sau khi vụ tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã tổ chức khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, khám nghiệm tử thi. Kết quả khám nghiệm thu được như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hướng khám nghiệm từ H đi Y. Lấy một vạch sơn kẻ liền sát mép đường bên phải làm chuẩn (mộp chuẩn) để T hành đo đạc.

Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường Quốc lộ 32C, Km 61 + 800, thuộc khu 1 xã V, huyện H. Mặt đường xe chạy rộng 7,4m, trải nhựa áp phanh tương đối bằng phẳng, là đường hai chiều được chia Cách bằng các nét đứt vạch màu vàng. Lề đường bên phải rộng 0,2m, bên trái rộng 0,9m. Vị trí xảy ra tai nạn ở phần giữa hai làn đường xe chạy theo hướng khám nghiệm. Tại hiện trường phát hiện 4 dấu vết liên quan đến vụ tai nạn được đánh dấu từ số (01) đến số (04). Kết quả đo đạc xác định như sau:

Số (01) là vết phanh kích thước dài 50m, rộng 50cm. Đầu vết phanh Cách mộp chuẩn 4,4m, điểm cuối vết phanh nằm dưới trục bánh xe số hai bên trái, Cách mộp chuẩn 4,3m.

Số (02) là vết phanh kích thước dài 37,6m, rộng 50cm. Đầu vết phanh Cách mộp chuẩn 2,3m, điểm cuối vết phanh nằm dưới trục bánh xe số hai bên phải, Cách mộp chuẩn 2,3m.

Số (03) là xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS19R - 006.42. Đầu xe hướng đi Y, đuôi xe hướng về H.

Số (04) là tử thi bà Nguyễn Thị Đ, đầu hướng về phía lề đường bên trái, chôn hướng phần lề đường bên phải, nằm dưới phần đầu xe ụ tụ.

Tại hiện trường phía lề đường bên trái có 01 lối đi dân sinh trái bờ tụng từ Quốc lộ 32C đi khu dân cư số 01. Mở rộng hiện trường theo chiều đi H - Y có 01 biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên, cách dấu vết số (1) 66m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện:

- Xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS19R-006.42

Về giấy tờ: Xe ô tô đầu kéo có đăng ký xe và giấy chứng nhận kiểm định có thời hạn đến ngày 29/7/2023; sơ mi rơ moóc có đăng ký và giấy chứng nhận kiểm định đến ngày 29/7/2023; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm Dân sự có thời hạn đến ngày 17/3/2024.

Về dấu vết trên phương tiện: Phần mặt nạ trước đầu xe ô tô phía trước bên trái có vũng sạch bụi, búng mặt ca lăng kích thước dài 50cm, rộng 15cm.

Kết quả khám nghiệm tử thi:

Cơ quan điều tra đó ra quyết định trưng cầu giám định nguyên nhân tử vong của bà Nguyễn Thị Đ. Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh P tổ chức khám nghiệm tử thi xác định:

".....

Rạch mở da đầu vùng thái dương đỉnh bên phải tương ứng với vị trí xây xát da bên ngoài thấy tổ chức dưới da đầu tụ máu. Vì sập phức tạp xương hộp sọ trên diện đo được 5 x 2cm. Chảy máu qua đường Vi xương".

Tại bản KLGĐ pháp y tử thi số 949/KLGĐTT-PC09 ngày 19/7/2023 của Phòng KTHS - Công an tỉnh P kết luận:

"Nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị Đ là do chấn thương sọ não nặng".

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và Các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra xác định nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông nêu trên là do lỗi của Bùi Thanh T điều khiển xe đi không đúng phần đường, Không giảm tốc độ khi gặp biển báo nguy hiểm giao nhau với đường không ưu tiên dẫn đến đâm vào bà Đường đang đi bộ sang đường. Hành vi của Bùi Thanh T đó vi phạm khoản 1 Điều 9, khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và khoản 1, 6 Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/8/2019 Quy định về tốc độ và khoảng Cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Điều 9. Quy tắc chung

"1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ".

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

“4.Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn”.

Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT quy định các trường hợp phải giảm tốc độ

“Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

.....

6. Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường”.

QuáTrình điều tra xác định giấy phép Lái xe của T phù hợp với loại xe điều khiển. Khi điều khiển xe, nồng độ cồn của T là 0,000mg/l khí thở, xét nghiệm ma túy: âm tính. Trong vụ án này, bị cáo phạm tội do vụ ý.

Về vật chứng: QuáTrình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đức V xe ô tô đầu kéo BKS 19C-127.01 kéo theo sơ mi rơ mooc BKS19R-006.42 cùng toàn bộ giấy tờ xe. Hiện còn giữ 01 giấy phép Lái xe mang tên Bùi Thanh T.

Về phân Dân sự: Bị cáo T thỏa thuận thống nhất bồi thường tổng số 150.000.000đ cho gia Đình bà Nguyễn Thị Đ. Đại diện gia Đình bà Đường đó nhận đủ số tiền này, Không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác đồng thời viết đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về điều kiện kinh tế: Bị cáo làm nghề Lái xe, tài sản chung của vợ chồng bị cáo có nhà, đất ở xã V, huyện L, tỉnh P.

Tại phiên tòa bị cáo đó khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong quáTrình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo nội dung bản Cáo trạng số: 45/CT-VKSHH ngày 27/10/2023 truy tố bị cáo Bùi Thanh T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 65BLHS, điểm b Khoản 3 Điều 106 BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Thanh T từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mươi một) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày Tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian

thử thách. Gia Đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đó cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thanh T.

Về vật chứng: Xác nhận quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đức V xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS19R - 006.42 cùng toàn bộ giấy tờ xe là hợp pháp. Trả lại cho bị cáo Bùi Thanh T 01 giấy phép Lái xe mang tên Bùi Thanh T.

Về trách nhiệm Dân sự: Xác nhận bị cáo đó bồi thường cho gia Đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi đúng như Cáo trạng truy tố, bị cáo Không tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Mong Hội đồng xét xử, xem xét cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng hình sự: Trong vụ án này Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác Không có ý kiến khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ buộc tội: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 06/7/2023, Bùi Thanh T, sinh năm 1990, trú tại khu 5 xã V, huyện L, tỉnh P có giấy phép lái xe theo quy định, không sử dụng rượu, bia, ma túy và chất kích thích mạnh khác điều khiển xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ moóc BKS19R - 006.42 đi trên Quốc lộ 32C hướng từ huyện L lên tỉnh Y. Khi

đến km 61 + 800 thuộc khu 1 xã V, huyện H, tỉnh P, T điều khiển xe đi giữa hai làn đường, không giảm tốc độ khi gặp biển báo nguy hiểm và khi nhìn thấy bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1939 ở khu 1 xã V, huyện H, tỉnh P đang đi bộ sang đường dẫn đến phần đầu xe ô tô đâm vào bà Đường. Hậu quả: bà Đường tử vong.

Hành vi của Bùi Thanh T đó vi phạm khoản 4 Điều 11 Luật giao thông đường bộ và khoản 6 Điều 5 Thông tư số 31 ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng Cách an toàn của xe cơ giới xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Luật giao thông đường bộ quy định:

Điều 9. Quy tắc chung

"1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ".

Điều 11. Chấp hành báo hiệu đường bộ

"4.Những nơi không có vạch kẻ đường cho người đi bộ, người điều khiển phương tiện phải quan sát, nếu thấy người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật đang qua đường thì phải giảm tốc độ, nhường đường cho người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường bảo đảm an toàn".

Điều 5 Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT quy định các trường hợp phải giảm tốc độ

"Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn trong các trường hợp sau:

1. Có báo hiệu cảnh báo nguy hiểm hoặc có chướng ngại vật trên đường;

.....

6. Khi có người đi bộ, xe lăn của người khuyết tật qua đường".

Như vậy, đó đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo đó phạm tội: "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện H đó truy tố.

Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ:

"1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm .

a) Làm chết người;

.....;

[3]. Về tính chất của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội với lỗi vụ ý nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông, do đó cần phải xử lý nghiêm để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét Nhân thân, Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với bị cáo.

[4]. Về Nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về Nhân thân: Bị cáo Không có Tiền án, tiền sự.

Về Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù hành vi của T gây hậu quả làm bà Đường (84 tuổi) tử vong, nhưng xét thấy bị cáo phạm tội với lỗi vụ ý, Nên Không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội với người từ đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự (BLHS). Bị cáo Không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đó T khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia Đình bị hại số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng); gia Đình bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Căn cứ vào Nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, Không cần thiết phải Cách ly ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tự cho hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo; để bị cáo cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành người Công Dân tốt, có ích cho gia Đình, xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 260 BLHS thì “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo Không giữ chức vụ gì, phạm tội với lỗi vụ ý Nên Không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6]. Về vật chứng vụ án:

- Cần Xác nhận quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện H đã trả cho ông Nguyễn Đức V xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ mooc BKS19R - 006.42 cùng toàn bộ giấy tờ xe là phù hợp quy định của pháp luật.

- Cần trả lại cho bị cáo Bùi Thanh T 01 giấy phép Lái xe số 640129002149, hạng FC mang tên Bùi Thanh T, sinh ngày 02/03/1990, nơi cư trú xã V, huyện L, tỉnh P, được Sở giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 24/8/2022 có giá trị đến ngày 24/08/2027 là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm Dân sự:

- Cần Xác nhận đại diện gia Đình bị hại Nguyễn Thị Đ đó nhận đủ số tiền bồi thường theo thỏa thuận là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) của bị cáo và Không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, Nên Hội đồng xét xử Không xem xét giải quyết là phù hợp.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu Tiền án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H thực hành quyền Công tố tại phiên tòa đề xuất về hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với pháp luật Nên chấp nhận.

Vì Các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh T phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt:

- Về hình phạt chính:

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thanh T 21 (hai mươi mốt) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 42 (bốn mươi hai) tháng kể từ ngày Tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Thanh T cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia Đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện L, tỉnh P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tự của bản án đó cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Thanh T.

Cấm bị cáo đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/12/2023 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm Dân sự:

- Xác nhận bị cáo Bùi Thanh T đã bồi thường cho đại diện gia Đình bị hại số tiền bồi thường 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Theo biên bản giao nhận tiền ngày 14 tháng 7 năm 2023.

4. Về xử lý vật chứng:

- Xác nhận quá Trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Đức V xe ô tô đầu kéo BKS 19C - 127.01 kéo theo sơ mi rơ mooc BKS19R - 006.42 cùng toàn bộ giấy tờ xe (Theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 11/8/2023).

- Trả lại cho bị cáo Bùi Thanh T 01 giấy phép Lái xe số 640129002149, hạng FC mang tên Bùi Thanh T, sinh ngày 02/03/1990, nơi cư trú xã V, huyện L, tỉnh P, được Sở giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 24/8/2022 có giá trị đến ngày 24/08/2027.

5. Về án phí: Buộc Bị cáo Bùi Thanh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh P để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện H;
- Cơ quan THAHS -CA huyện H;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện H;
- Sở Tư Pháp tỉnh P;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND nơi b/c cư trú;
- Bị cáo;
- Đại diện bị hại;
- Lưu AV, HS.

**T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Yên